

HOSE 04/08/2014

VNINDEX 599.04 5.14 0.87%

KLGD 71,641,464 CP
GTGD 1,201.89 Tỷ
GTR NDTNN 32.54 Tỷ

CP Tăng giá 117 CP
CP Giảm giá 87 CP
CP Đứng giá 100 CP



HNX 04/8/2014

HNXINDEX 79.53 0.52 0.66%

KLGD 29,797,199 CP
GTGD 412.58 Tỷ
GTR NDTNN - 0.48 Tỷ

CP Tăng giá 112 CP
CP Giảm giá 55 CP
CP Đứng giá 212 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 638.98 3.97 0.63%
HNX30 158.94 1.21 0.77%

Tâm điểm

- ▶ **Bluechips tạo hiệu ứng giúp 2 sàn tăng điểm**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn chưa có nhiều biến động**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,600 tỷ đồng
- ▶ **Thu ngân sách nhà nước 7 tháng tăng 14.4%**
Thu ngân sách nhà nước thực hiện 7 tháng đầu năm 2014 đạt 497,360 tỷ đồng
Thanh Niên
- ▶ **Ủy ban Tài chính Quốc gia: Lạm phát cả năm sẽ xấp xỉ 5%**
Theo báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 7 tháng đầu năm của UBTCQG
DVO
- ▶ **Việt Nam xếp 99/189 về chỉ số môi trường kinh doanh thuận lợi**
Theo số liệu do cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đưa ra ngày 31/7
Trí Thức Trẻ
- ▶ **SĐT: Quý 2/2014, lợi nhuận đạt gần 24 tỷ đồng**
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận sau thuế tăng 33.3%, đạt hơn 50 tỷ đồng
DVO
- ▶ **V15: 6 tháng lỗ hơn 9 tỷ đồng**
Kết quả này giảm mạnh 64.4% so với cùng kỳ
Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,057,636	14.5	3.2	22.7%	11.5%
HNX	137,729	19.6	1.6	8.6%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,195,365	15.3	3.1	21.8%	10.8%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	- 63.7	1.3	0.2%	1.3%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
Dược phẩm	16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
Phần mềm	19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng	264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Thu ngân sách nhà nước 7 tháng tăng 14.4%

Ủy ban Tài chính Quốc gia: Lạm phát cả năm sẽ xấp xỉ 5%

Việt Nam xếp 99/189 về chỉ số môi trường kinh doanh thuận lợi

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SĐT: Quý 2/2014, lợi nhuận đạt gần 24 tỷ đồng

V15: 6 tháng lỗ hơn 9 tỷ đồng

VSI: Kế hoạch lãi gần 4 tỷ đồng trong quý 3

► Tin kinh tế

Theo Bộ Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện 7 tháng đầu năm 2014 đạt 497,360 tỷ đồng, tăng 14.4% so với cùng kỳ năm 2013. Bên cạnh đó, hoạt động chi NSNN lũy kế 7 tháng đầu năm 2014 ước đạt 585,890 tỷ đồng, tăng 11.7% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước đạt 97,630 tỷ đồng; chi trả nợ và viện trợ lũy kế 7 tháng ước đạt 72,510 tỷ đồng, tăng 15.7% so với cùng kỳ năm 2013... Như vậy, bội chi NSNN lũy kế 7 tháng đầu năm nay là 88,530 tỷ đồng, bằng 39.5% mức bội chi Quốc hội quyết định đầu năm.

Ủy ban Tài chính Quốc gia vừa ra báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 7 tháng đầu năm, đồng thời đưa ra dự báo cho cả năm 2014. Theo đó, Ủy ban cho rằng, kinh tế trong nước duy trì đà phục hồi tương đối tốt với tăng trưởng và sản xuất liên tục cải thiện kể từ quý 3/2013. Thị trường cũng đánh giá tích cực hơn về triển vọng kinh tế. Chỉ số lòng tin của người tiêu dùng lẫn nhà đầu tư đều được cải thiện. Trong khi đó, mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được đảm bảo, lạm phát thấp, tỷ giá hối đoái ổn định và dự trữ ngoại hối tăng khá, cân đối ngân sách được cải thiện. Lạm phát cả năm theo dự báo của Ủy ban Tài chính Quốc gia sẽ không vượt ngưỡng 5%. Thực tế, theo thống kê, ngoại trừ tháng 1 là tháng có Tết Nguyên Đán, thì lạm phát luôn thấp hơn 5% trong 7 tháng đầu năm.

Theo số liệu do cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đưa ra ngày 31/7 vừa qua, tại hội thảo do Viện Quản lý kinh tế Trung ương và cơ quan này tổ chức, Việt Nam chưa có cải thiện đáng kể và vẫn xếp hạng thứ 99/189 nước về chỉ số môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, theo chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan, tính thu nhập bình quân đầu người thì Việt Nam đang ở nhóm cuối cùng, “đội sổ” của thế giới chứ không phải thứ 99 nữa. Ông Olin Macgin-chuyên gia quốc tế về môi trường phát triển kinh doanh cũng nhấn mạnh: “Tất cả là do cải cách môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả cho người dân”.

► Tin doanh nghiệp

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2014 và 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (HNX: SDT), doanh thu hợp nhất quý 2/2014 của SDT đạt 305.82 tỷ đồng, giảm 18.5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế quý 2/2014 đạt 23.67 tỷ đồng, tăng 23.7% so với cùng kỳ. Trong đó, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 22.5 tỷ đồng, tăng 22.1%. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, tổng doanh thu công ty đạt 548 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế tăng 33.3%, đạt hơn 50 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 45.6 tỷ đồng, tăng 23.6% so với 6 tháng đầu năm 2013. EPS 6 tháng đầu năm đạt 1,142 đồng/cổ phiếu, giảm 35% so với 6 tháng đầu năm 2013.

CTCP Xây dựng số 15 (HNX: V15) vừa công bố BCTC quý 2/2014, với doanh thu thuần đạt vốn vện 131 triệu đồng, giảm 61.8% so với cùng kỳ. Quý 2/2014, công ty ghi nhận mức lỗ sau thuế là 4.8 tỷ đồng, giảm mạnh 81.6% so với cùng kỳ năm 2013. V15 cho biết, nguyên nhân dẫn đến mức lỗ hơn 4.8 tỷ đồng ở quý 2/2014 là do kỳ này, thị trường khó khăn nên kinh doanh bất động sản không bán được hàng. Mặt khác, các công trình xây lắp công ty đã thị công hồ sơ quyết toán giai đoạn chưa được chủ đầu tư phê duyệt. Do đó, doanh thu công ty ghi nhận quý 2/2014 thấp. Chi phí tài chính cao là do lãi vay ngân hàng cao. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, V15 đạt 270 triệu đồng doanh thu thuần, giảm 85.8% so với cùng kỳ. V15 lỗ 9.37 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2014, giảm mạnh 64,4% so với cùng kỳ.

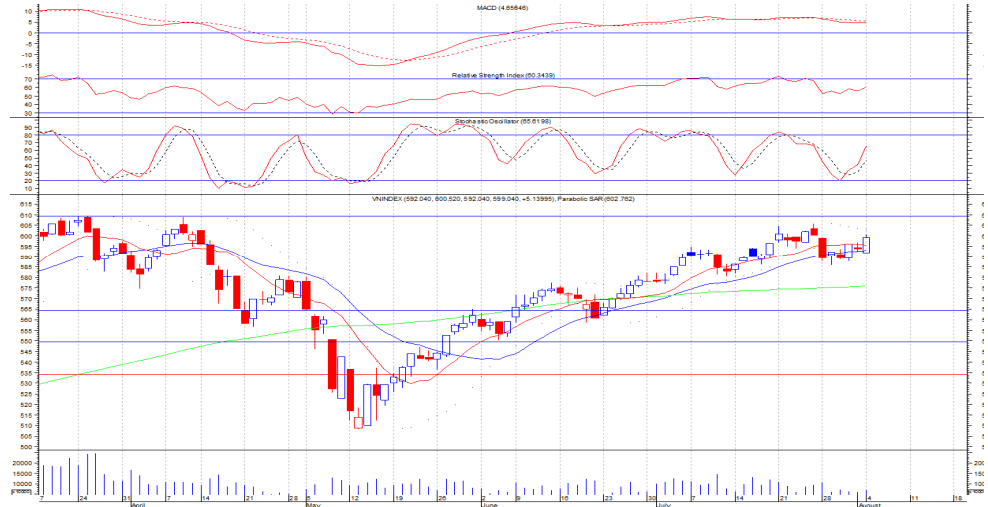
HĐQT CTCP Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước – WASECO (HOSE: VSI) vừa thông qua kết quả sản xuất kinh doanh trong quý 2/2014 và kế hoạch kinh doanh trong quý 3/2014. Cụ thể, theo báo cáo của Ban lãnh đạo VSI, trong nửa đầu năm nay, VSI đã đạt 133.7 tỷ đồng doanh thu và 5.5 tỷ đồng lợi nhuận (đạt 36.6% kế hoạch năm 2014). Trong quý 3 này, VSI đạt kế hoạch doanh thu 104.5 tỷ đồng và kế hoạch lợi nhuận chưa hợp nhất gần 3.8 tỷ đồng. HĐQT VSI nhất trí thông qua phương án chuyển nhượng một phần dự án dưới hình thức chuyển nhượng vốn Dự án “Khu cao ốc văn phòng và căn hộ chung cư Waseco Plaza”.

HOSE 04/08/2014 VNINDEX 599.04 5.14 0.87% 71,641,464 CP 1,201.89 bil VND

Bluechips tạo hiệu ứng giúp 2 sàn tăng điểm

VN-Index tăng 5.14 điểm (+0.87%), đóng cửa tại mức 599.04 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD tăng nhẹ trở lại nhưng vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh.
- MA10, MA20 đi ngang, MA20 thực sự là ngưỡng hỗ trợ tốt trong mỗi lần chỉ số VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 60.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.2 (-1.5%)	15,687,980
SAM	0.2 (1.9%)	5,629,900
IJC	0.4 (3.0%)	4,505,890
HQC	-0.1 (-1.3%)	3,121,030
DLG	0.2 (2.1%)	2,561,380

HOSE Top 5 theo % tăng

FMC	1.3 (6.9%)	217,920
CMX	0.4 (6.9%)	666,330
DTT	0.4 (6.8%)	30
SPM	1.5 (6.6%)	72,870
VNG	0.5 (6.4%)	20

HOSE Top 5 theo % giảm

TNA	-2 (-7.0%)	20
VCF	-12 (-6.8%)	110
VNA	-0.2 (-6.5%)	11,210
TMP	-1.3 (-5.9%)	260
PTL	-0.2 (-5.9%)	885,390

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	12,1 tỷ	107,190
BVH	10,4 tỷ	238,590
VIC	8,0 tỷ	103,780
BID	7,1 tỷ	454,660
NLG	3,5 tỷ	190,640

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPM	-8,8 tỷ	292,400
KDC	-5,1 tỷ	90,450
SSI	-3,6 tỷ	141,820
MSN	-2,7 tỷ	30,920
DIG	-1,9 tỷ	120,760

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	971,890	32.54

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu Bluechips lại giao dịch tích cực tạo hiệu ứng kéo đà tăng lan rộng. VN-Index đóng cửa ở mức cao trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 71 triệu đơn vị. Việc thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên đây vẫn là mức thanh khoản khá thấp.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại 32,54 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở BVH, GAS, VIC. Bán nhiều ở DPM và KBC.
- ▶ VN-Index có thể về lại mốc đỉnh cũ và vượt 600 điểm trong phiên sắp tới. Nhưng đà tăng có thể không quá mạnh và dòng tiền sẽ phân hóa mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng dần.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	112.0	212,240.00	14.6	5.4	40.6%	25.7%
VNM	833.5	137.0	114,184.99	18.2	6.8	39.6%	30.7%
VIC	908.8	78.0	70,883.48	9.3	4.3	54.2%	10.3%
MSN	734.9	88.0	64,672.20	152.7	5.0	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	25.9	60,021.10	16.5	1.7	10.4%	1.0%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.1	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.7	44,135.88	10.7	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	43.9	29,872.70	26.2	2.5	9.4%	2.3%
PVD	275.3	98.0	26,975.30	11.7	2.4	22.4%	9.3%
HPG	419.1	56.0	23,466.94	12.0	2.5	22.2%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

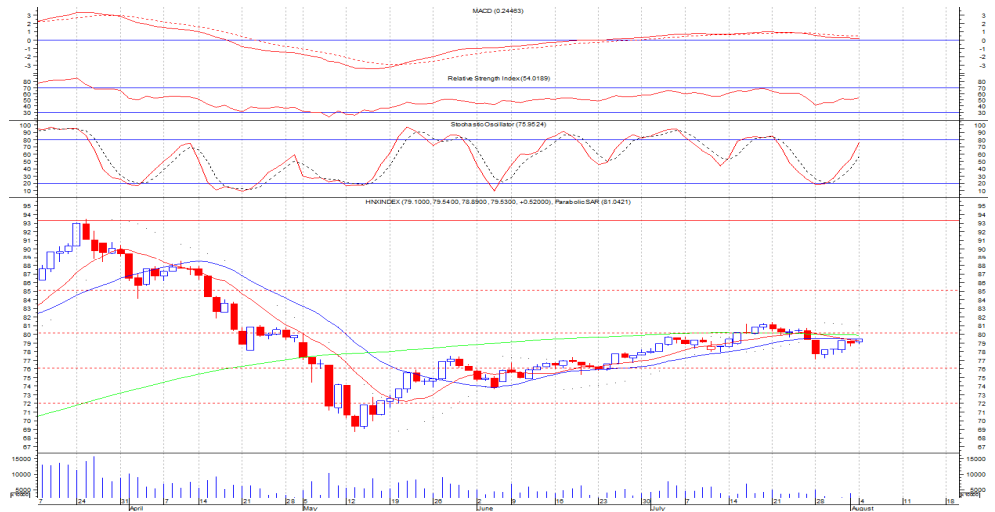
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.1	3,047.06	15.6	1.3	NA	TH.DOI
FPT	275.1	50.0	13,755.97	12.0	2.7	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.9	2,358.81	37.8	2.0	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	10.0	2.5	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	4.7	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.2	502.50	2.4	1.0	NA	TH.DOI

HNX 04/08/2014 HNX-Index 79.53 0.52 0.66% 29,797,199 CP 412.58 bil. VND

Bluechips tạo hiệu ứng giúp 2 sàn tăng điểm

Chỉ số HNX-Index tăng 0.52 điểm (+0.66%), đóng cửa tại mốc 79.53 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục tăng mạnh.
- MACD dừng đà giảm và đi ngang trở lại, vẫn chưa cho tín hiệu mua.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 54..
- HNX-Index đang tích lũy khá tốt ở vùng 78 - 80 điểm. Việc dòng tiền phân hóa có thể sẽ giúp HNX-Index lấy lại mốc đỉnh cũ.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Biến động (%)	Giá trị (tỷ VND)
PVX	0 (0.0%)	3,055,030
KLF	0.1 (0.9%)	2,494,700
PVS	0.5 (1.5%)	2,270,330
KLS	0.3 (2.8%)	1,700,080
SHB	0 (0.0%)	1,473,470

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá trị (tỷ VND)
NGC	1.5 (10.0%)	6,800
PSD	5 (10.0%)	7,400
PVB	4.4 (10.0%)	283,270
VIX	2.2 (10.0%)	299,300
TAG	2 (10.0%)	1,700

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá trị (tỷ VND)
CAN	-3.4 (-10.0%)	1,500
HCT	-1.2 (-9.8%)	100
SRA	-0.2 (-7.7%)	18,200
CSC	-0.6 (-7.5%)	2,400
BVG	-0.2 (-7.4%)	1,900

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá trị (tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)
LAS	0,7 tỷ	20,000
PVC	0,5 tỷ	21,000
PVG	0,4 tỷ	39,900
SD1	0,4 tỷ	62,100
VDS	0,4 tỷ	55,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá trị (tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)
PVS	-2,8 tỷ	84,800
VND	-2,6 tỷ	170,000
PGS	-0,1 tỷ	3,700
FIT	-0,1 tỷ	8,000
VHL	-0,1 tỷ	3,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	175,100	0.48

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu Bluechips lại giao dịch tích cực tạo hiệu ứng kéo đà tăng lan rộng. HNX-Index đóng cửa ở mức cao trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 39,9 triệu đơn vị. Dù khối lượng gia tăng nhưng đây vẫn là mức khá thấp. Tâm lý NĐT vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 479 triệu trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở LAS, PVC, trong khi bán nhiều ở PVS, VND.
- ▶ HNX-Index vẫn đang giao dịch cân bằng tại mặt bằng giá hiện tại. Dòng tiền có xu hướng phân hóa mạnh, tuy nhiên HNX-Index nhiều khả năng chưa thể tăng mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng dần.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (tỷ VND)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	34.0	15,187.81	8.1	1.6	21.6%	7.0%
ACB	921.5	15.4	14,191.34	19.0	1.3	6.6%	0.5%
SQC	110.0	80.0	8,800.00	313.7	6.5	-2.0%	-1.7%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	11.6	1.0	8.6%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	14.1	1.2	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	30.1	2.4	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	13.5	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	34.8	2,708.55	8.1	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	51.5	2,231.91	10.8	2.6	24.8%	16.7%
NVB	297.7	6.9	2,053.92	104.9	0.6	0.6%	0.1%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (tỷ VND)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.3	1,265.40	7.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.4	364.32	8.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	15.3	1.6	NA	TH.DOI
NTP	43.3	51.5	2,231.91	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	22.7	1,135.00	11.8	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.5	303.19	7.0	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	13.73%	88.0	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	13.68%	78.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
HPG	HOSE	419.1	23,466.94	13.62%	56.0	12.01	2.47	978,155	1,214,328	800,449
PVD	HOSE	275.3	26,975.30	9.64%	98.0	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	8.07%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.65%	19.5	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	60,021.10	6.07%	25.9	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	5.32%	30.1	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	3.07%	7.8	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	2.45%	43.9	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
KBC	HOSE	289.8	2,984.53	2.33%	10.3	51.96	0.93	1,087,301	1,680,526	1,535,472
HSG	HOSE	96.3	4,093.31	2.28%	42.5	9.19	2.21	232,931	273,766	339,018
GMD	HOSE	114.4	3,958.99	1.97%	34.6	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.58%	14.6	17.90	1.37	872,368	1,384,872	1,219,817
PPC	HOSE	318.2	6,967.59	1.47%	21.9	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
CSM	HOSE	67.3	2,839.72	1.45%	42.2	8.04	2.37	478,531	807,759	817,008
DRC	HOSE	83.1	4,278.30	1.34%	51.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
HVG	HOSE	120.0	2,916.00	1.24%	24.3	12.76	1.36	618,320	746,608	650,264
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	1.16%	13.1	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
DIG	HOSE	143.0	2,202.13	1.06%	15.4	48.59	1.11	773,049	1,025,734	967,890
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	0.82%	10.7	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.67%	19.5	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	7.43%	88.0	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VCB	HOSE	2,317.4	60,021.10	7.31%	25.9	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	6.29%	78.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	5.63%	30.1	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	5.63%	43.9	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
PVS	HNX	446.7	15,187.81	5.50%	34.0	8.06	1.61	2,792,598	4,139,252	3,029,036
PVD	HOSE	275.3	26,975.30	3.79%	98.0	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	3.48%	7.8	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
SHB	HNX	886.1	7,708.93	3.36%	8.7	11.58	0.95	8,016,074	12,512,393	9,930,134
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	3.27%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCG	HNX	441.7	5,698.07	3.21%	12.9	14.07	1.24	2,407,943	4,123,647	3,993,495
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	2.07%	10.7	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967
DRC	HOSE	83.1	4,278.30	1.52%	51.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
GMD	HOSE	114.4	3,958.99	1.49%	34.6	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
PPC	HOSE	318.2	6,967.59	1.32%	21.9	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	1.16%	13.1	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 1.53	2.29	9,321,255	12,084,771	11,051,811

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	0.00%	78.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	0.00%	88.0	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.00%	30.1	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	0.00%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCB	HOSE	2,317.4	60,021.10	0.00%	25.9	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.00%	19.5	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	0.00%	43.9	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.13	1.14	839,590	1,191,494	1,245,087
GAS	HOSE	1,895.0	212,240.00	0.00%	112.0	14.57	5.37	470,774	356,114	461,652

Công ty quản lý **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ **19/09/2011** SLCKVN **9/142**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	0.88%	88.0	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	0.56%	78.0	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.31%	19.5	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	60,021.10	0.24%	25.9	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.15%	30.1	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	0.08%	43.9	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **12/09/2012** SLCKVN **6/102**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **01/12/2010** SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số **01/12/2010** TGTTSQL **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,078	33.7	0.9	1.9%	1.5%
Sản xuất giấy	878	9.8	0.8	10.2%	5.1%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,046	4.9	0.9	19.0%	4.0%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	-	63.7	1.3	0.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,489	8.2	1.3	18.6%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	472	5.1	1.0	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,746	10.6	1.0	8.6%	4.6%
Thiết bị điện	1,800	-	16.6	0.7	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	23.4	0.6	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,627	-	2.9	1.0	4.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,339	10.5	1.5	15.8%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,290	14.6	1.4	9.0%	2.0%
Đào tạo & Việc làm	247	36.3	0.7	3.7%	1.7%
Nhà cung cấp thiết bị	202	9.2	0.8	10.2%	4.4%
Chất thải & Môi trường	138	2.1	0.8	33.5%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,114	24.4	1.7	13.5%	8.3%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,509	7.7	1.2	15.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	252	11.0	1.8	18.3%	13.5%
Đồ uống & giải khát	266	7.3	1.3	15.1%	10.0%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	60	118.2	0.8	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,348	8.4	1.0	13.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,158	8.8	1.6	17.3%	7.0%
Giày dép	7	-	1.0	0.4	-33.3%
Hàng cá nhân	5,203	10.7	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	709	-	4.1	1.1	-6.9%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		932	21.5	1.0	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế		135	3.1	1.6	32.6%	12.6%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		156	10.0	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm		16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		684	12.5	1.1	12.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,582	9.6	1.7	20.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,095	8.9	1.0	13.2%	8.6%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,790	29.9	2.4	7.2%	3.4%
Dịch vụ giải trí		2,263	16.7	1.4	13.5%	11.2%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,230	26.4	2.4	16.5%	14.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		640	20.5	0.8	3.7%	1.3%
Internet		311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		396	13.5	0.6	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng		259	5.2	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,348	14.5	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Nước		1,207	6.3	1.1	17.2%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,294	10.7	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		7,028	12.4	0.8	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm		3,015	10.0	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,870	69.9	1.2	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán		29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng						
Ngân hàng		264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.